



**BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

Điện thoại: 028 3896 2938; Website: hcc2.edu.vn

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT
KIẾN TRÚC TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2023**

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 09 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG BÁO CÁO

Trang

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	4
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP. HCM,	
KHOA KIẾN TRÚC.....	5
1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM	5
2. Thông tin khái quát về Khoa Kiến TrúC – Khoa phụ trách chương trình đào	
 tạo nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc.....	9
2.1. Thông tin khái quát về Khoa Kiến TrúC	9
2.1.1. Quá trình thành lập và phát triển.....	9
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ	9
2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của khoa	11
2.2.1. Cơ cấu tổ chức.....	11
2.2.2. Nhân sự:	11
2.3. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	12
2.4. Các ngành nghề đào tạo của Khoa Kiến TrúC:	12
2.5. Cơ sở vật chất của khoa	12
2.5.1. Phòng học, nhà xưởng	12
2.5.2. Trang thiết bị do đơn vị quản lý.....	13
2.6. Thành tích của khoa.....	13
3. Thông tin về chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc.....	14
3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật	14
3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.....	15
3.2.1. Mục tiêu chung.....	15
3.2.2. Mục tiêu cụ thể.....	15
3.3. Phương thức đào tạo:	18
3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo	18
3.4.1. Thống kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Công	
nghệ kỹ thuật kiến trúc trình độ Cao đẳng khoá tuyển sinh 2018, 2019, 2020....	19

3.4.2. Thống kê tất cả các môn học của chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc, trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh 2021, 2022, 2023....	20
PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	21
1. Tổng quan chung	21
1.1 Căn cứ tự đánh giá.....	22
1.2 Mục đích tự đánh giá	22
1.3 Yêu cầu tự đánh giá	22
1.4 Phương pháp tự đánh giá	23
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá:.....	24
2. Tự đánh giá.....	24
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	24
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	30
2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu quản lý và tài chính	30
2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	38
2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên.....	54
2.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.....	68
2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	86
2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	101
2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	109
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP. HCM.....	118
PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	119
PHỤ LỤC 1	120
QUYẾT ĐỊNH SỐ 1606/QĐ-UBND VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM ĐẾN NĂM 2025.....	132

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Từ viết tắt
Bộ Lao động - TB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
BGH	Ban giám hiệu
CNKTKT	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc
CBVC	Cán bộ viên chức
GV	Giáo viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CNVC	Công nhân viên chức
NLĐ	Người lao động
CB-CNV	Cán bộ - Công nhân viên
BCH	Ban chấp hành
UBND	Ủy ban nhân dân
CD, TC	Cao đẳng, Trung cấp
CNH, HĐH	Công nghiệp hoá, hiện đại hoá
CSGDNN	Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp
GDCT	Giáo dục chính trị
HSSV	Học sinh, sinh viên
CHSSV	Cựu học sinh, sinh viên
DN	Doanh nghiệp
MC	Mệnh chứng
NĐ - CP	Nghị định – Chính phủ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
TCN	Trung cấp nghề
KT&ĐBCL	Khảo thí & đảm bảo chất lượng
MH, MĐ	Môn học, mô đun
KTX	Ký túc xá
THPT	Trung học phổ thông
THCS	Trung học cơ sở

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP. HCM, KHOA KIẾN TRÚC

1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM

1.1. Tên: TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1.2. Tên Tiếng Anh: HO CHI MINH CITY COLLEGE OF CONSTRUCTION

1.3. Cơ quan chủ quản: Bộ Xây Dựng

1.4. Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

Cơ sở 02: Khu ký túc xá - Địa chỉ: Số 02 đường Hoàng Diệu, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

Cơ sở 3: Trung tâm đào tạo thực hành - Ứng dụng công nghệ Xây dựng - Địa chỉ đường 11, phường Long Bình, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM

1.5. Số điện thoại: (084) 0283 896 2938

1.6. Số Fax: (084) 0283 896 8161

1.7. Website: www.hcc2.edu.vn

1.8. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1976

- Năm thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh: 17/8/2017

1.9. Loại hình trường: Công lập ☒; Tư thục ☐

1.10. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh - tiền thân là Trường Trung học xây dựng Số 7 (được thành lập năm 1976 theo Quyết định số 86/BXD-TC ngày 14/2/1976 của Bộ trưởng Bộ xây dựng), đến năm 1999, để tương xứng với tiềm năng và quy mô phát triển của nhà trường và nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương khu vực phía nam, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 trên cơ sở Trường Trung học Xây dựng số 7 (Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng chính phủ). Đến năm 2017 trường đổi tên thành trường cao đẳng xây dựng TP Hồ Chí Minh.

Chức năng, nhiệm vụ được giao là:

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh (ban hành theo Quyết định số 672/QĐ-BXD ngày 26/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng) quy định chức năng nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 (nay là Trường Cao đẳng Xây dựng Tp Hồ Chí Minh):

“Trường Cao đẳng Xây dựng Tp Hồ Chí Minh có nhiệm vụ: Đào tạo cán bộ kỹ thuật bậc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật các ngành nghề

trong lĩnh vực xây dựng; Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học – công nghệ tiên tiến, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ; Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong những người học và trong đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên của Trường...”

Sứ mạng của Trường:

Sứ mạng của trường Cao đẳng xây dựng TP Hồ Chí Minh được tuyên bố như sau: *“Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh là cơ sở đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực ngành xây dựng có chất lượng, đồng thời là trung tâm nghiên cứu và chuyển giao kết quả NCKH trong lĩnh vực xây dựng vào thực tiễn, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội chung của đất nước và khu vực Tp.Hồ Chí Minh, miền Đông và miền Tây Nam bộ”.*

Hoạt động đào tạo:

Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh có cơ cấu tổ chức gồm: 6 phòng chức năng, 4 Khoa, 6 Trung tâm và 1 bộ môn trực thuộc Ban giám hiệu. Với quy mô gần 3000 sinh viên học sinh đang theo học, hiện tại trường đang đào tạo 17 ngành ở bậc Cao đẳng gồm: *Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc; Kế toán; Công nghệ kỹ thuật giao thông; Cấp thoát nước; Công nghệ vật liệu xây dựng; Quản trị kinh doanh; Quản lý xây dựng; Quản lý tòa nhà; Quản lý khu đô thị; Trắc địa công trình; Điện công nghiệp; Tự động hóa công nghiệp; Quản trị kinh doanh bất động sản; Tiếng Anh; Thiết kế nội thất; Logistics.* Bậc trung cấp chuyên nghiệp đào tạo 3 ngành: *Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kế toán; Cấp thoát nước.*

Ngoài ra, nhà trường đang liên kết với một số Trường đại học như ĐH Kiến trúc Tp.HCM, ĐH Bách Khoa, ĐH Giao thông vận tải, ĐH Xây dựng Hà Nội...đào tạo liên thông từ bậc cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp lên bậc đại học hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học, đào tạo theo địa chỉ hệ trung cấp chuyên nghiệp cho các địa phương như: Daklak, BRVT, An Giang, Trà Vinh...

Tổ chức đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ ở 03 cấp trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề; Bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật – công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Tổ chức xây dựng, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề đối với ngành nghề được phép đào tạo; Tổ chức nghiên cứu khoa học; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khoa học, kỹ thuật theo quy định của pháp luật; Tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn

phí cho người học nghề; Tổ chức cho người học nghề tham quan, thực tập tại doanh nghiệp; phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học nghề trong hoạt động dạy nghề.

Căn cứ nhu cầu thực tiễn đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương và khu vực, Trường được đầu tư thành trường nghề chất lượng cao đến năm 2025 để đáp ứng nhu cầu Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa, Trường thực hiện theo các quyết định:

+ Bộ Xây dựng đã giao nhiệm vụ cho trường về phát triển các ngành nghề trọng điểm. Tại văn bản số 548/BXD – TCCB, Bộ xây dựng đã thống nhất danh mục nghề trọng điểm. Theo đó nhà Trường sẽ có 7 ngành trọng điểm. Trong đó ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng là ngành trọng điểm quốc tế.

+ Quyết định 1836/QĐ-LĐTBXH ngày 27/11/2017 của Bộ lao động thương binh và xã hội về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn ngành nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến 2025. Trường Cao đẳng xây dựng TP Hồ Chí Minh được lựa chọn với 7 ngành trọng điểm.

+ Quyết định 1432/QĐ – TTg ngày 26/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”.

+ Quyết định số 1495/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/10/2018 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội phê duyệt đầu tư dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”.

+ Quyết định số 1409/QĐ-BXD ngày 30/10/2018 của Bộ Xây dựng phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Chương trình kỹ năng và kiến thức cho tăng trưởng kinh tế toàn diện”, sử dụng nguồn vốn vay ODA của ngân hàng ADB.

Trường có vị trí ở khu vực trung tâm thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, có 3 cơ sở phục vụ đào tạo:

➤ **Cơ sở 01:** Cơ sở chính - Khu học tập và làm việc có diện tích 15.300 m² (phục vụ cho công tác đào tạo, dạy và học; các hoạt động của trường).

Địa điểm: 190 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng diện tích sử dụng: 15.300 m² , trong đó:

- Đất xây dựng: 4.030 m²
- Đất lưu không: 11.270 m²

Các phòng học được sử dụng chung:

- Khối phòng học lý thuyết: 6.400m² (43 phòng học với sức chứa 50HSSV/phòng)
- Khối phòng máy: 500 m² (06 phòng với tổng số 193 máy tính đang sử dụng)

- Phòng Ngoại ngữ chuyên dụng: 120 m²

Các công trình phụ trợ phục vụ người học:

- Thư viện: 450 m²
- Hội trường: 450 m²
- Phòng y tế: 25 m²
- Căn tin: 400 m²
- Sân thể thao: 1.000 m²
- Bãi giữ xe: 1.000 m²

- **Cơ sở 02:** Khu ký túc xá có diện tích 8.240 m² (phục vụ chỗ ở cho giáo viên, sinh viên-học sinh).

Địa điểm: Số 02 đường Hoàng Diệu, phường Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

- Số phòng: 80 phòng (Số người ở: 600)
- Sân thể thao: 5.000 m²
- Đất giao thông, sân đường: 1.937 m²

- **Cơ sở 03:** Khu thực hành và ứng dụng công nghệ có diện tích gần 15000 m².

Địa điểm: đường 11, phường Long Bình, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.

** Khối xưởng thực hành: 3.031 m²*

- Xưởng thực hành Nền - Cốt thép - Bê tông: 508 m²
- Xưởng thực hành Hàn: 160 m²
- Xưởng thực hành Mộc: 226,8 m²
- Xưởng thực hành Nước (Trung tâm đào tạo ngành nước Miền Nam): 483 m²
- Xưởng thực hành Điện: 180 m²
- Sân thực hành chung: 1.283 m²

** Các diện tích khác:*

- Sân thể thao: 1.935 m²
- Đất giao thông, sân đường: 4.764 m²
- Đất cây xanh: 4.572 m²
- Phòng thí nghiệm: 650,2 m²

Đảng bộ cơ sở Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhà trường hoàn thành nhiệm vụ chính trị, đạt được những thành tích trên các mặt đào tạo nghề, chăm lo đời sống cho CBVCNV và học sinh, sinh viên. Đảng bộ, chi bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu “Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh”.

Tổ chức Công đoàn cơ sở hoạt động có hiệu quả cao, quan tâm đến đời sống CBVCNV, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác dạy và học, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong nhà trường. Công đoàn được công nhận Công đoàn vững mạnh xuất sắc nhiều năm liền.

Đoàn Trường trực thuộc Đảng đoàn đảng ủy khối Bộ Xây dựng, đã tập hợp được đông đảo thanh niên tham gia các hoạt động, Đoàn trường đã phát huy tích cực các phong trào giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, hoạt động văn hóa văn nghệ, công tác xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua dạy và học trong nhà trường, là đơn vị xuất sắc nhiều năm liền.

2. Thông tin khái quát về Khoa Kiến Trúc – Khoa phụ trách chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc.

2.1. Thông tin khái quát về Khoa Kiến Trúc

- Tên khoa: KHOA KIẾN TRÚC
- Tên Tiếng Anh: Department of Architecture
- Là đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM.
- Địa chỉ: 190 Võ Văn Ngân, Phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
- Số điện thoại: (084) 0283 722 8077
- Email: khoakientrucxd2@gmail.com

2.1.1. Quá trình thành lập và phát triển

Khoa Kiến Trúc với tiền thân là bộ môn Kiến trúc và bộ môn Hình họa trực thuộc Khoa Xây dựng là một trong những khoa đào tạo được thành lập đầu tiên kể từ khi thành lập Trường.

Khoa được thành lập năm 2017 với tên gọi Khoa Kiến trúc. Theo quyết định số 249/QĐ-BXD. ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 (nay là Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM) Với chức năng và nhiệm vụ chính là thực hiện đào tạo các nghề trong danh mục nghề đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/2010/TT-BLĐTBXH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Trưởng Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội. Khoa Kiến Trúc có 08 giáo viên cơ hữu.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ

a. Chức năng:

Là đơn vị quản lý chuyên môn của Trường, trực tiếp quản lý toàn diện quá trình tổ chức, phục vụ đào tạo theo lĩnh vực chuyên môn.

Quản lý, tổ chức giảng dạy và biên soạn chương trình, giáo trình các môn cơ sở, chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật kiến trúc cho các bậc đào tạo: Cao đẳng, Trung cấp, Cao đẳng liên thông và các hệ đào tạo chính quy, không chính quy trong trường và liên kết ngoài trường.

b. Nhiệm vụ:

Quản lý giảng viên, người lao động và người học thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng.

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo định hướng phát triển chung của Trường, bao gồm: Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo được trường giao nhiệm vụ; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các môn học; xây dựng đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của nhà trường; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HSSV, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động. Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy phải thực hiện theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng đào tạo HSSV do khoa quản lý;

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa;

Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên thuộc khoa;

Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên trong khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của nhà trường;

Quản lý nhập điểm các học môn học, mô đun do khoa quản lý;

Quản lý tài sản, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng và cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo thuộc lĩnh vực do khoa quản lý, sử dụng;

Tổ chức cho HSSV thực tập tại các cơ sở sản xuất;

Phối hợp với các đơn vị để khảo sát và đánh giá HSSV;

Đào tạo các nghề ngắn hạn do khoa phụ trách;

Làm mô hình học cụ.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

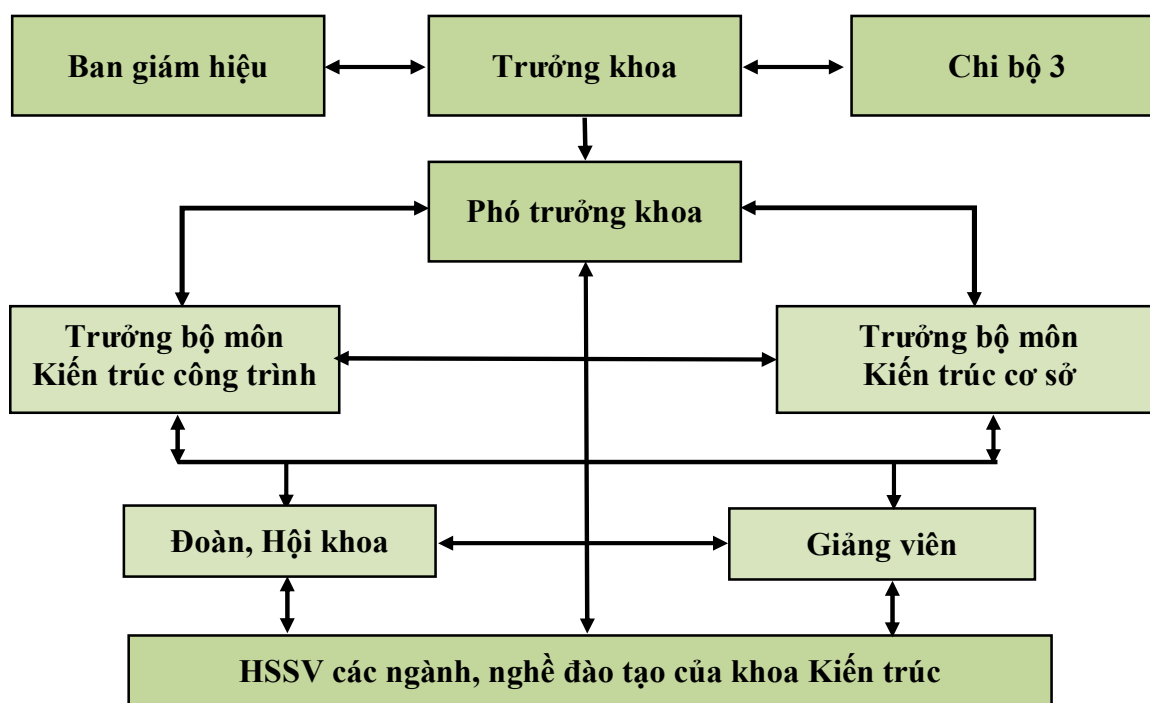
2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của khoa

2.2.1. Cơ cấu tổ chức

- Cơ cấu tổ chức khoa Kiến trúc được phân thành 02 cấp: Lãnh đạo khoa (Trưởng, phó khoa) và 02 bộ môn trực thuộc Khoa Kiến Trúc (Bộ môn Kiến trúc công trình, bộ môn Kiến trúc cơ sở.)

- Cấp lãnh đạo khoa thực hiện nhiệm vụ điều hành, quản lý và tổ chức các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và nhiệm vụ khác của Khoa Kiến Trúc được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM. Tổ bộ môn thực hiện công việc chuyên môn và mảng công việc cụ thể được Khoa phân công.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHOA KIẾN TRÚC



- Về mặt tổ chức Đảng, khoa Kiến trúc thuộc Chi bộ 3

- Về mặt tổ chức Công đoàn: khoa Kiến trúc là Công đoàn bộ phận 6, thuộc Công đoàn Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM.

2.2.2. Nhân sự:

Khoa Kiến Trúc hiện có 09 người. Trình độ đào tạo cụ thể như sau:

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Thạc sĩ	02	01	03
Đại học	05	00	05

Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Cao đẳng	00	01	01
Tổng số	07	02	09

Đội ngũ viên chức quản lý khoa

Đội ngũ viên chức quản lý khoa gồm có 03 người: 01 phó trưởng khoa – phụ trách khoa và 02 trưởng bộ môn.

2.3. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc

Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc là 08 giảng viên giảng dạy các môn cơ sở và chuyên môn, tất cả là giảng viên cơ hữu của Trường.

- Trong 08 giảng viên tham gia giảng dạy nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc có 03 giảng viên trình độ Thạc sĩ; 05 giảng viên trình độ Đại học.

2.4. Các ngành nghề đào tạo của Khoa Kiến Trúc:

Stt	Tên ngành đào tạo	Trình độ đào tạo
1	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Cao đẳng
2	Thiết kế nội thất	Cao đẳng
		Trung cấp
3	Quản lý khu đô thị	Cao đẳng
4	Họa viên kiến trúc	Trung cấp

2.5. Cơ sở vật chất của khoa

2.5.1. Phòng học, nhà xưởng

Khoa Kiến trúc là một Khoa chuyên môn của trường Cao đẳng Xây dựng TP. HCM, chịu trách nhiệm quản lý 03 ngành nghề ở 02 cấp trình độ:

+ Trình độ cao đẳng: nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc, Thiết kế nội thất; Quản lý khu đô thị.

+ Trình độ trung cấp: Họa viên kiến trúc; Thiết kế nội thất.

Trong những năm qua, nhà trường có sự đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, xưởng thực hành tương đối qui mô và hiện đại đáp ứng yêu cầu giảng dạy của toàn trường, bao gồm các ngành nghề do khoa Kiến trúc quản lý chuyên môn. Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào ngành CNKT Kiến trúc bao gồm:

+ Các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, ánh sáng và máy chiếu phục vụ giảng dạy.

+ Các phòng máy tính có cài đặt các phần mềm chuyên ngành kiến trúc.

+ Hệ thống 06 xưởng thực hành với trang thiết bị hiện đại để phục vụ giảng dạy - thuộc Trung tâm đào tạo thực hành và ứng dụng công nghệ xây dựng quản lý (cơ sở 3) bao gồm các xưởng như Xưởng thực hành Nền - Cốt thép – Bê tông, Xưởng thực hành Hàn, Xưởng thực hành Mộc, Xưởng thực hành Nước, Xưởng thực hành Điện.

+ Thư viện – thư viện số: cung cấp thông tin, tài liệu, giáo trình..phục vụ đào tạo

Hạng mục, công trình phục vụ đào tạo

Stt	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú (đang xây dựng hoặc đã hoàn thành)
1	Văn phòng Khoa	m ²	50	Đã hoàn thành
2	Phòng học lý thuyết	m ²	6400	Đã hoàn thành
3	Phòng máy tính	m ²	500	Đã hoàn thành
4	Xưởng thực hành – Phòng TN	m ²	3031	Đã hoàn thành
5	Thư viện	m ²	450	Đã hoàn thành

2.5.2. Trang thiết bị do đơn vị quản lý

Stt	Hạng mục, công trình	Đơn vị tính	Tổng số	Ghi chú
1	Tổng số máy tính của đơn vị	Chiếc	04	
2	Máy scan	Chiếc	01	
3	Máy in A4	Chiếc	02	
4	Máy in A3	Chiếc	01	
5	Máy cắt mô hình	Chiếc	01	
6	Máy cắt xốp	Chiếc	02	
7	Máy in 3D	Chiếc	01	
8	Máy may công nghiệp	Chiếc	10	
9	Máy cắt vải	Chiếc	01	
10	Máy vắt sổ	Chiếc	01	
11	Máy cắt sắt CNC Platsma	Chiếc	01	

2.6. Thành tích của khoa

Là một trong những khoa tiêu biểu của Nhà trường trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho thị trường lao động. Qua quá trình hoạt động lâu

dài, Khoa Kiến Trúc đã đúc kết được nhiều kiến thức, kinh nghiệm có giá trị trong tổ chức đào tạo, có bước chuyển mình mạnh mẽ trong định hướng, phương pháp giảng dạy, xây dựng và phát triển cả về chuyên môn lẫn cơ sở vật chất cho đến chất lượng đào tạo, đã tạo dựng “thương hiệu” sản phẩm nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc luôn được các doanh nghiệp đón nhận, điều đó khẳng định qua kết quả 100% HSSV nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc ra trường có việc làm.

Năm học 2019 – 2020 Khoa Xây kiến trúc được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến.

Năm học 2021 – 2022 Khoa kiến trúc được công nhận danh hiệu tập thể lao động tiên tiến.

3. Thông tin về chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc

3.1. Lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Ngành Công nghệ kỹ thuật Kiến trúc bắt đầu tiến hành tuyển sinh và đào tạo hệ cao đẳng năm 2015.

Hiện nay, Khoa Kiến Trúc xây dựng các chương trình đào tạo phong phú đa dạng với nhiều ngành nghề như: Công nghệ kỹ thuật kiến trúc, Thiết kế nội thất, Quản lý khu đô thị,... nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, phù hợp với xu hướng tiếp cận công nghệ kiến trúc, xây dựng hiện đại, hướng đến hội nhập – cạnh tranh với thị trường lao động của các quốc gia trong khu vực và quốc tế.

Cùng với sự phát triển của các nghề kỹ thuật được đào tạo hiện nay tại trường qua từng giai đoạn, chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc đều được rà soát và chỉnh sửa cho phù hợp với nhu cầu thực tế cũng như trình độ của học sinh – sinh viên. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo nghề tổng thể, người học đã có thể tìm được một vị trí việc làm với chức danh xứng đáng trong các công ty tư vấn thiết kế, công ty xây dựng;.... Đây chính là những ảnh hưởng đến sự thay đổi, điều chỉnh chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc phù hợp với thực tiễn đào tạo của trường hiện nay. Hàng năm Khoa phân công và tạo điều kiện để các Giảng viên tham gia tham quan , học tập, trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp hoặc cơ quan chuyên môn.

Về chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc, khoa cũng luôn cập nhật các kiến thức mới, các công nghệ cao đưa vào giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội các công ty xí nghiệp trong và ngoài nước. Trong xây dựng chương trình đào tạo khoa cũng kết hợp với các doanh nghiệp đóng góp các ý kiến nhằm hoàn thiện chương trình. Nhằm nâng cao kiến thức kỹ năng tay nghề cho HSSV, vừa học tập và làm việc trực tiếp ra các sản phẩm trải nghiệm môi trường làm việc tại các công ty xí nghiệp uy tín trong lĩnh vực tư vấn thiết kế kiến trúc xây dựng.

Hàng năm, Khoa Kiến Trúc phát động phong trào thi đua “Dạy tốt – Học tốt” trong toàn thể giảng viên và HSSV. Tập thể khoa có nhiều giảng viên tham gia NCKH, tham gia cố vấn chuyên môn cho các dự án của các công ty thuộc lĩnh vực thiết kế kiến trúc.

Hàng năm khoa Kiến trúc chọn sinh viên tham dự các cuộc thi sáng tác kiến trúc do các trường và công ty trong lĩnh vực thiết kế, xây dựng và cung ứng sản phẩm kiến trúc, nội thất tổ chức:

+ Năm 2019 Sinh viên của Khoa đã tham gia cuộc thi Công trình xanh do khoa và công ty Insee phối hợp tổ chức.

+ Năm 2020 Sinh viên của Khoa đã tham dự cuộc thi Homes Melody do công ty DBHomes tổ chức, thành tích lọt vào top 10.

3.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.2.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho hoạt động thiết kế, triển khai hồ sơ thiết kế kiến trúc, phù hợp với quy mô công trình cấp III trở lên; tham gia các hoạt động tư vấn thiết kế (khảo sát, thiết kế, giám sát).

- Đào tạo người học có sự phát triển toàn diện, có phẩm chất đạo đức, chính trị, ý thức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp, ý thức phục vụ, có trách nhiệm công dân.

- Đào tạo người học có kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành vững vàng, đủ năng lực tham gia thị trường lao động, phù hợp với xu hướng tiếp cận công nghệ kiến trúc hiện đại, hướng đến hội nhập – cạnh tranh với thị trường lao động của các quốc gia trong khu vực và quốc tế.

- Đào tạo các kỹ năng chuyên môn: Kỹ năng quan sát, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành thông qua sử dụng các công cụ, phần mềm chuyên dụng để thực hiện ý tưởng, kỹ năng nắm bắt tâm lý khách hàng,...để vừa làm tốt công việc chuyên môn, vừa có thể tự tin thuyết phục khách hàng.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

Từ mục tiêu chung đã đề ra, chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật kiến trúc sẽ trang bị cho người học các mục tiêu cụ thể như sau:

Mục tiêu 1: Hình thành nền tảng vững chắc về kiến thức chính trị, pháp luật, an ninh - quốc phòng,... và kiến thức cơ sở ngành.

Mục tiêu 2: Vận dụng thành thạo các kỹ năng tự học, kỹ năng giải quyết vấn đề và các kỹ năng thực hành nghề nghiệp và tư duy sáng tạo.

Mục tiêu 3: Giao tiếp hiệu quả, biết tổ chức, quản lý và làm việc nhóm.

Mục tiêu 4: Vận hành tốt các năng lực hình thành ý tưởng, lên kế hoạch, triển khai kỹ thuật, giám sát, đánh giá;

Mục tiêu 5: Có khả năng nắm bắt các nhu cầu xã hội, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp.

Các mục tiêu trên được chi tiết hóa thành các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

a) Kiến thức

** Kiến thức chung:*

- CĐR 1: Trình bày được kiến thức cơ bản về sinh thái học, hệ sinh thái, ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường và các biện pháp bảo vệ môi trường; phương thức "xanh hóa" trong kỹ thuật xây dựng.
- CĐR 2: Tích lũy được kiến thức nền tảng cơ bản về: chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật chung để chấp hành chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Các chủ trương về quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo qui định;
- CĐR 3: Trình bày được những kiến thức cơ bản về 5S trong lĩnh vực của ngành nghề.

** Kiến thức chuyên môn:*

- CĐR 4: Sinh viên có khả năng nhận biết được các loại vật liệu, cập nhật kiến thức về các loại vật liệu mới.
- CĐR 5:
 - 5.1. Sinh viên phải trình bày được những qui định và qui trình thiết kế.
 - 5.2. Sinh viên trình bày được các qui tắc thiết kế kiến trúc, qui hoạch, thiết kế đô thị, thiết kế kiến trúc nội thất, ngoại thất.
- CĐR 6:
 - 6.1. Sinh viên trình bày được các phương pháp sáng tác, diễn họa hình ảnh, mô hình, ... cho các dự án kiến trúc
 - 6.2. Sinh viên trình bày được các phương án thiết kế kiến trúc, nội thất, tư vấn về sản phẩm nội thất.
- CĐR 7: Sinh viên trình bày được qui trình kiểm tra và giám sát thi công hoàn thiện và lắp đặt nội thất công trình kiến trúc theo đúng bản vẽ thiết kế

b) Kỹ năng

** Kỹ năng chung:*

- CĐR 8: Sinh viên có khả năng lập được các giải pháp tổng thể trong việc bảo vệ môi trường; thực hành được các biện pháp bảo vệ môi trường trong cuộc sống và công việc.
- CĐR 9: Sinh viên vận dụng được các nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp một cách hiệu quả, phân tích được tình hình, định hướng được hoạt động của bản thân và tổ, nhóm.

**Kỹ năng chuyên môn:*

- CDR 10: Sinh viên biết lựa chọn các loại vật liệu, phương tiện,...theo qui chuẩn công nghệ xanh.

- CDR 11: Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo, vẽ và một số thiết bị chuyên dụng trong nghề kiến trúc.

- CDR 12:

12.1. Giám sát được việc thi công xây dựng theo đúng bản vẽ thiết kế.

12.2. Kiểm tra, giám sát được việc thi công lắp đặt hoàn thiện nội thất theo đúng qui chuẩn, tiêu chuẩn qui định, đúng yêu cầu kỹ thuật.

- CDR 13: Diễn họa được các hình ảnh, mô hình, video,...cho các dự án kiến trúc

- CDR 14: Tư vấn cho khách hàng các dịch vụ thiết kế kiến trúc, nội thất và các sản phẩm nội thất.

- CDR 15: Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo qui định; khai thác, sử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành nghề.

- CDR 16:

16.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về 5S trong lĩnh vực của ngành nghề.

16.2. Giám sát việc thực hiện 5S trong công việc và quản lý lưu trữ hồ sơ thiết kế.

- CDR 17: Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- CDR 18: Có năng lực chứng chỉ B (quốc gia).

- CDR 19:

19.1. Sử dụng thành thạo các phần mềm 2D, 3D trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng.

19.2. Thực hiện thành thạo việc sử dụng các phần mềm đồ họa chuyên ngành trong việc lập và triển khai bản vẽ thiết kế, thiết kế kỹ thuật thi công các dự án kiến trúc, qui hoạch và thiết kế đô thị, thiết kế nội, ngoại thất.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- CDR 20: Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm để giải quyết công việc như: Triển khai các hạng mục trong hồ sơ bản thiết kế kiến trúc, thiết kế kỹ thuật thi công các dự án kiến trúc, qui hoạch, thiết kế đô thị, nội, ngoại thất.

- CDR 21: Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người trong nhóm thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm khi thực hiện công việc.

- CDR 22: Có năng lực đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- CDR 23: Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, thẳng thắn.
- CDR 24: Biết sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ và thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào công việc thực tế của nghề và sử lý được những vấn đề phức tạp của nghề nảy sinh trong quá trình làm việc.

d) Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công Nghệ Kỹ Thuật Kiến Trúc có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Triển khai chi tiết thiết kế kiến trúc công trình.
- Triển khai chi tiết thiết kế qui hoạch- thiết kế đô thị.
- Triển khai chi tiết thiết kế nội, ngoại thất.
- Diễn họa kiến trúc (Mô hình, 3D, video, ảnh, panô,...)
- Giám sát kỹ thuật thi công nội, ngoại thất công trình.
- Tư vấn công nghệ, kỹ thuật kiến trúc, nội thất.
- Quản lý hồ sơ công trình.
- Làm cán bộ tại các phòng ban nghiệp vụ như: Phòng/ Ban quản lý dự án, quản lý đô thị,...

Tại các tổ chức sau:

- Các Doanh nghiệp thiết kế kiến trúc.
- Các tổ chức tư vấn thiết kế kiến trúc.
- Các Cơ quan Nhà nước quản lý về hoạt động kiến trúc như: Sở Kiến Trúc Thành Phố, Ban Quản lý dự án,...

e) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

3.3. Phương thức đào tạo:

Phương thức đào tạo Trường đang được áp dụng đối với ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc là phương thức đào tạo tích lũy tín chỉ, niên chế theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017.

3.4. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc trình độ Cao đẳng được xây dựng, biên soạn trên cơ sở các Quy định, Thông tư về khung chương trình của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, đã được Trường xây dựng, biên soạn, thẩm định và ban hành theo Quyết định số 503/QĐ-CĐXD2 ngày 09 tháng 9

năm 2015; đã được bổ sung, điều chỉnh lần 1 vào năm 2018 theo Quyết định số 183/QĐ-CĐXD ngày 21 tháng 3 năm 2018; điều chỉnh lần 2 vào năm 2021 theo Quyết định số 634/QĐ-CĐXD ngày 25 tháng 8 năm 2021. Chương trình đào tạo của nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc khoá sau được xây dựng trên cơ sở rà soát chương trình đào tạo của khoá trước và quy định về khung chương trình của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, đã được Trường thẩm định và ban hành theo quy định.

3.4.1. Thống kê tất cả các môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc trình độ Cao đẳng khoá tuyển sinh 2018, 2019, 2020.

Mã MH/MĐ	Tên môn học / mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Thi, kiểm tra
I	Các môn học chung	22	465	195	270	0
23200101	Chính trị	5	90	60	30	0
23102102	Giáo dục thể chất	2	60	0	60	0
23102101	Giáo dục quốc phòng	4	75	45	30	0
23103102	Tin học	3	75	15	60	0
23100101	Kỹ năng mềm	2	45	15	30	0
	Ngoại ngữ: chọn 1 trong 2 ngoại ngữ					
	- Tiếng anh:					
23300101	Anh văn 1	2	45	15	30	0
23300102	Anh văn 2	2	45	15	30	0
23300104	Anh văn chuyên ngành khối kiến trúc xd	2	30	30	0	0
	- Tiếng Nhật:					
21700101	Tiếng Nhật căn bản 1	4	60	60	0	0
21700102	Tiếng Nhật căn bản 2	4	60	60	0	0
21700103	Tiếng Nhật căn bản 3	4	60	60	0	0
II	Các môn học chuyên môn	53	1425	345	720	360
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	16	345	135	210	0
24201104	Hình họa-Vẽ kỹ thuật 1	3	45	45	0	0
24201105	Hình họa-Vẽ kỹ thuật 2	3	60	30	30	0
24201106	Kỹ thuật vẽ phối cảnh trong kiến trúc	2	45	15	30	0
24201107	Nhập môn kiến trúc và công nghệ KT	2	45	15	30	0
24201110	Vẽ Mỹ Thuật	2	60	0	60	0
24201103	Đồ án cơ sở	2	60	0	60	0
23601108	Pháp luật trong xây dựng	2	30	30	0	0
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	34	975	165	450	360
24202111	Thiết kế kiến trúc 1	3	45	45	0	0
24202112	Thiết kế kiến trúc 2	2	30	30	0	0
24201101	Cấu tạo kiến trúc 1	3	60	30	30	0
24201102	Cấu tạo kiến trúc 2	2	45	15	30	0
24202107	Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật CT	2	30	30	0	0
24201108	Tin học ứng dụng ngành kiến trúc	2	45	15	30	0
24202101	Đồ án kiến trúc 1	2	60	0	60	0
24202102	Đồ án kiến trúc 2	2	60	0	60	0
24202103	Đồ án kiến trúc 3	2	60	0	60	0
24202104	Đồ án kiến trúc 4	2	60	0	60	0

Mã MH/MD	Tên môn học / mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Thi, kiểm tra
24202105	Đồ án kiến trúc 5	2	60	0	60	0
24202106	Đồ án kiến trúc 6	2	60	0	60	0
24202114	Thực tập tốt nghiệp ngành kiến trúc	3	135	0	0	135
24202108	Khóa luận tốt nghiệp ngành kiến trúc	5	225	0	0	225
24202109	Lý thuyết tổ hợp không gian kiến trúc	3	45	45	0	0
24202113	Thiết kế kiến trúc nhà cao tầng	2	30	30	0	0
II.3	Môn học tự chọn (Chọn tối thiểu 03 tín chỉ trong các môn học sau)	03	105	45	60	0
23700101	Cấp thoát nước công trình	3	60	30	30	0
23402113	Thiết kế điện công trình	2	45	15	30	0
23601103	Dự toán xây dựng	3	60	30	30	0
23602106	Quản lý dự án đầu tư XDCT	2	45	15	30	0
23502102	Sức bền vật liệu I	3	45	45	0	0
23501101	Bê tông cốt thép I	2	45	15	30	0
Tổng cộng:		75	1890	540	990	360

3.4.2. Thống kê tất cả các môn học của chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc, trình độ cao đẳng khoá tuyển sinh 2021, 2022, 2023.

Stt	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
A		Học phần môn chung/đại cương					
I	I	Học phần bắt buộc	21	435	185	229	21
1	23200101	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
2	23800029	Pháp luật	2	30	18	10	2
3	23102102	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
4	23102101	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	4	75	48	25	2
5	23103104	Tin học	3	75	15	58	2
		Tiếng Anh					
6.1	23300101	Anh văn 1	2	45	15	28	2
6.2	23300102	Anh văn 2	2	45	15	28	2
6.3	23300106	Anh văn 3	2	30	28	0	2
II	II	Học phần tự chọn					
1	23100101	Kỹ năng mềm	2	45	15	28	2
B		Học phần chuyên môn	50	1155	370	770	30
I	I	Học phần cơ sở	12	270	96	166	8
		Học phần bắt buộc					

1	24201104	Hình họa-Vẽ kỹ thuật 1	3	60	26	30	4
2	24201105	Hình họa-Vẽ kỹ thuật 2	3	60	26	30	4
3	24201112	Nhập môn kiến trúc và nội thất	3	75	15	60	
4	24201111	Vẽ Mỹ Thuật	3	75	21	52	2
II	II	Học phần chuyên môn	38	885	269	594	22
	1	Học phần bắt buộc	33	780	226	536	18
1	24202111	Thiết kế kiến trúc	3	45	43		2
2	24201113	Cấu tạo kiến trúc	4	90	30	56	4
3	23700101	Cấp thoát nước công trình	3	60	28	30	2
4	23402195	Lắp đặt điện công trình	2	60	10	48	2
5	24202107	Hệ thống trang thiết bị kỹ thuật CT	2	30	28	0	2
6	24202110	Quy hoạch đô thị	2	30	28	0	2
7	24202125	Thiết kế đô thị	3	60	28	30	2
8	23602106	Quản lý dự án đầu tư XDCT	2	45	15	30	
9	24202101	Đồ án kiến trúc 1	2	60	2	58	
10	24202102	Đồ án kiến trúc 2	2	60	2	58	
11	24202103	Đồ án kiến trúc 3	2	60	2	58	
12	24202104	Đồ án kiến trúc 4	2	60	2	58	
13	24202105	Đồ án kiến trúc 5	2	60	2	58	
14	24202106	Đồ án kiến trúc 6	2	60	2	58	
	2	Học phần tự chọn	5	105	43	58	4
15.1	24202127	Cảnh quan công trình	2	45	15	28	2
15.2	24202113	Thiết kế kiến trúc nhà cao tầng	2	30	28		2
15.3	23502102	Sức bền vật liệu 1	2	45	25	18	2
16.1	23900118	Vật liệu xây dựng	3	60	30	27	3
16.2	23601103	Dự toán xây dựng	3	60	25	30	5
16.3	23501101	Bê tông cốt thép 1	2	45	20	22	3
C		Học phần tốt nghiệp	8	8	360	10	
	1	Học phần bắt buộc					
1	24202114	Thực tập tốt nghiệp ngành kiến trúc	3	135	5	180	
2	24202108	Khóa luận tốt nghiệp ngành kiến trúc	5	225	5	300	
	2	Học phần thay thế (nếu không làm khóa luận tốt nghiệp)					
1	24201125	Lịch sử kiến trúc và định cư	3	60	28	28	4
2	24202128	Nguyên lý thiết kế và kỹ thuật công trình dân dụng	5	75	60	10	5
	Tổng cộng		79	1950	560	1329	51

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1 Căn cứ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ phụ lục công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đối với trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo mục 2 của Thông tư số 28/2017/TT-LĐTBXH, ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- + Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- + Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- + Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- + Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

- Căn cứ kế hoạch số 66/KH-CĐXD ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Trường Cao đẳng Xây dựng TP Hồ Chí Minh về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2023.

1.2 Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chương trình, các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình trường cao đẳng do Bộ LĐ-TB&XH ban hành, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để đánh giá mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình, đồng thời phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện khắc phục qua đó giúp trường, khoa chuyên môn hoạch định chiến lược phát triển trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành đơn vị dạy nghề đạt chất lượng cao, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. HCM.

1.3 Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của Khoa chuyên môn phụ trách chương trình đào tạo.

- Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của Trường.

- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.
- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
- Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4 Phương pháp tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình nghề Công nghệ kỹ thuật kiến trúc trình độ cao đẳng.

1. Căn cứ vào từng tiêu chuẩn của 7 tiêu chí trong Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trường Cao đẳng. Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh lập kế hoạch và phân công các đơn vị thực hiện công tác tự đánh giá, thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm khắc phục các tồn tại, nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

3. Viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị và gửi hội đồng tự đánh giá của Trường.

4. Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

Thực hiện tự đánh giá chất lượng của Hội đồng đánh giá

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình nhà Trường phê duyệt;

- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo mẫu quy định.

- Lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá:

1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
2. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
3. Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.
4. Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt
	Tổng điểm	100	98
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2
1.2	2. Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	12
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	0
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và	2	2

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	học.		
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định	2	2
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	24
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa	2	2

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.		
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
4.10	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
4.11	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
4.12	12. Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
5.2	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
6	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	8	8
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn,	2	2

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.		
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
7	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và	2	2

Stt	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.		

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 137/QĐ-CDXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng
Ngành Công nghệ kỹ thuật Kiến trúc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 127/1999/QĐ-TTg ngày 28/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Xây dựng số 2;

Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/7/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Xây dựng số 2 thành Trường Cao đẳng Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-CDXD ngày 12/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của Cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Kế hoạch số 66/KH-CDXD ngày 01/2/2023 của Trường Cao đẳng Xây dựng Tp.HCM về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2023;

Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học, Hợp tác Quốc tế và Đảm bảo Chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Công nghệ kỹ thuật Kiến trúc gồm có 19 ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Công nghệ kỹ thuật Kiến trúc có trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các quy định về việc đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Ngành Công nghệ kỹ thuật Kiến trúc năm học 2022-2023 theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại điều 1 và Trường các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT, KH-HTQT-ĐBCL.



Ths. Nguyễn Bá Khiêm



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT KIẾN TRÚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 137/QĐ-CDXD ngày 27 tháng 02 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	Họ Và Tên	Chức Vụ	Nhiệm Vụ
1	Nguyễn Bá Khiêm	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Hoàng Tiến Ninh	Phụ trách khoa khoa Kiến trúc Trường CDXD TP. HCM	Phó chủ tịch Hội đồng
3	Đỗ Ngọc Thu Tâm	Thư ký Khoa Kiến trúc	Thư ký HĐ
4	Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy Viên
5	Lê Khắc Toàn	Phó Hiệu trưởng	Ủy Viên
6	Cao Tiến Dương	Giảng viên Khoa Kiến trúc	Ủy viên
7	Phan Anh Tuấn	Giảng viên Khoa Kiến trúc	Ủy viên
8	Nguyễn Hoàng Dương	Giảng viên Khoa Kiến trúc	Ủy viên
9	Phạm Thị Lê Vân	Trưởng Phòng Khoa học- HTQT-ĐBCL	Ủy viên
10	Dương Công Đức	Phó trưởng Phòng Đào tạo	Ủy viên
11	Nguyễn Đình Đa	Trưởng Phòng Tổ chức HC	Ủy viên
12	Huỳnh Phi Tuấn Khanh	Trưởng Phòng TS-CTSVHS	Ủy viên
13	Nguyễn Thị Trang	Trưởng Phòng Tài chính KT	Ủy viên
14	Nguyễn Văn Quý	Trưởng Phòng Quản trị	Ủy viên
15	Vũ Sĩ Tuấn	GD. Trung tâm Đào tạo TH-UDCNXD	Ủy viên
16	Võ Văn Thiệp	GD. Trung tâm TT Thư viện	Ủy viên
17	Lê Xuân Lâm	Chuyên viên phòng Khoa học- HTQT-ĐBCL	Ủy viên
18	Giáp Thị Thanh Mai	Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng (CIDECO)	Ủy viên
19	Phạm Ngọc Dũng	Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và thương mại Thép Việt	Ủy viên

(Danh sách này gồm 19 người ./.)

gal